

Bản án số: 427/2025/DS-ST

Ngày: 25/8/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Mười
- Ông Hoàng Công Hợp

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở chính Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố H (nay là phường X, Thành phố H);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993; địa chỉ: 278 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố H (nay là phường X, Thành phố H) (Giấy ủy quyền số 5625/2024/UQ-TGD ngày 02/8/2024); có đơn đề nghị xét xử mặt.

2. Bị đơn: ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: 243/40 đường Liên Khu N, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Nguyễn Thành Nhân trình bày:*

Ngày 22/06/2022, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Hoàng Văn Đ có ký hợp đồng tín dụng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 3699303544 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: 2.22%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3.324%/tháng (2.22%X150%). Sau khi được cấp tín dụng ông Đáng đã thực hiện các giao dịch thông qua thẻ VS payWave Cre Classic 3699030544 với số tiền là 51.731.403 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Đáng đã thanh toán số tiền là 62.692.957 đồng; thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông Đáng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ VS payWave Cre Classic 3699030544, ngày 23/6/2023 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 04/03/2025, ông Đáng còn nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 3699030544 tổng số tiền 34,487,924 đồng; trong đó: nợ gốc: 20.430.347 đồng, lãi quá hạn: 14.057.577 đồng.

Ngày 21/7/2022, ông Đáng có thực hiện đăng ký thêm thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 3130323920 với hạn mức sử dụng chung là 200.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48%X150%). Sau khi được cấp tín dụng ông Đáng đã thực hiện các giao dịch thông qua thẻ VS payWave Cre Platinum 3130323920 với số tiền là 110.907.332 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Đáng đã thanh toán số tiền là 46.304.222 đồng; thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông Đáng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ VS payWave Cre Platinum 3130323920, ngày 06/7/2023 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 04/03/2025, ông Đáng còn nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 3130323920 tổng số tiền 135,570,539 đồng; trong đó: nợ gốc: 77.268.811 đồng; lãi quá hạn: 58.301.728 đồng.

Ngày 09/8/2022, ông Đáng có đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Ngân hàng Pay (viết tắt là Ngân hàng Pay) với số tiền giải ngân là 129.000.000 đồng và được giải ngân qua số tài khoản 3139958437 với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: 2.22%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.324%/tháng (2.22%x150%). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đáng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.404.437 đồng. Ông Đáng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; ngày 26/6/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng Ngân

hàng Pay). Tạm tính đến ngày 04/3/2025, ông Đáng còn nợ tổng số 195.632.819 đồng gồm: nợ gốc là 116.162.963 đồng; nợ lãi quá hạn là 79.469.856 đồng;

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Hoàng Văn Đ phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi của các khoản nợ nêu trên, tạm tính đến ngày 04/3/2025 là 365.691.282 đồng. Đồng thời ông Đáng tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 05/3/2025 cho đến khi trả xong các nợ.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Hoàng Văn Đ đến để giải quyết vụ án nhưng ông Đáng không đến; không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó không ghi nhận được ý kiến của ông Đáng.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định của pháp luật; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Hoàng Văn Đ. Theo kết quả cung cấp thông tin của Công an xã Sơn Tiên, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số 243/40 đường Liên Khu N, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H) nhưng đã chuyển nơi cư trú, không rõ nơi chuyển đến. Tuy nhiên, đây là địa chỉ ghi trong hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Đáng. Hội đồng xét xử không xác định được địa chỉ nơi ông Đáng đang thực tế cư trú. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ số 243/40 đường Liên Khu N, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H) là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn trong vụ án là ông Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S; theo đó, Ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng của thẻ tín dụng cho ông Đáng là 200.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: 2.77%/tháng; lãi suất quá hạn: 4.155%/tháng (2.77% x 150%). Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 3699303544 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: 2.22%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3.324%/tháng (2.22%X150%); thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 3130323920 với hạn mức sử dụng chung là 200.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48%X150%)

Căn cứ vào việc ông Đáng đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Ngân hàng Pay ngày 09/8/2022, Ngân hàng đã đồng ý cho vay và giải ngân số tiền là 129.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: 2.22%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.324%/tháng (2.22%x150%).

Các giao dịch trên là các giao kết dân sự trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[3.2]. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Đáng đã thực hiện các giao dịch thông qua thẻ VS payWave Cre Classic 3699030544 với số tiền là 51.731.403 đồng; đã thanh toán số tiền là 62.692.957 đồng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, ngày 23/6/2023 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Ông Đáng đã thực hiện các giao dịch thông qua thẻ VS payWave Cre Platinum 3130323920 với số tiền là 110.907.332 đồng; đã thanh toán số tiền là 46.304.222 đồng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ VS payWave Cre Platinum 3130323920, ngày 06/7/2023 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn.

Đối với khoản vay tiêu dùng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 129.000.000 đồng, ông Đáng đã thanh toán số tiền 31.404.437 đồng. Ngày 26/6/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 25/8/2025, ông Đáng còn nợ các khoản sau:

- Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 3699030544 tổng số tiền 38.426.765 đồng; trong đó: nợ gốc là 20.430.347 đồng, lãi quá hạn là 17.996.415 đồng;
- Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 3130323920 tổng số tiền 152.255.573 đồng; trong đó: nợ gốc là 77.268.811 đồng; lãi quá hạn là 74.986.762 đồng.

- Nợ đối với khoản vay tiêu dùng tổng số tiền là 218.007.827 đồng gồm: nợ gốc là 116.162.963 đồng; nợ lãi quá hạn là 101.844.864 đồng;

Ngân hàng yêu cầu ông Hoàng Văn Đ phải trả ngay các khoản nợ nêu trên. Đồng thời, tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng Ngân hàng Pay, kể từ ngày 05/3/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ... thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được... để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, trong đó các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vốn và lãi nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước về phạt vi phạm; căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số tiền còn nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 25/8/2025, gồm các khoản nợ với tổng số tiền là 408.690.162 đồng, bao gồm: Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 3699030544 tổng số tiền 38.426.765 đồng; trong đó: nợ gốc là 20.430.347 đồng, lãi quá hạn là 17.996.415 đồng; Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 3130323920 tổng số tiền 152.255.573 đồng; trong đó: nợ gốc là 77.268.811 đồng; lãi quá hạn là 74.986.762 đồng; Nợ đối với khoản vay tiêu dùng tổng số tiền là 218.007.827 đồng gồm: nợ gốc là 116.162.963 đồng; nợ lãi quá hạn là 101.844.864 đồng. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, tính từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.347.606 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.388.963 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 290, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Hoàng Văn Đ thanh toán nợ.

2. Buộc ông Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ gốc và nợ lãi nợ tạm tính đến 25/8/2025, với tổng số tiền là 408.690.162đ (bốn trăm lẻ tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm sáu mươi hai đồng), bao gồm:

2.1. Khoản nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 3699030544 tổng số tiền 38.426.765đ (ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc là 20.430.347đ (hai mươi triệu bốn trăm ba mươi nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 17.996.415đ (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm mười lăm đồng).

2.2. Khoản nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 3130323920 tổng số tiền 152.255.573đ (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng); trong đó: nợ gốc là 77.268.811đ (bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười một đồng); lãi quá hạn là 74.986.762đ (bảy mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

2.3. Khoản nợ đối với khoản vay tiêu dùng tổng số tiền là 218.007.827đ (hai trăm mười tám triệu không trăm lẻ bảy nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng) gồm: nợ gốc là 116.162.963đ (một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng); nợ lãi quá hạn là 101.844.864đ (một trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 26/8/2025, ông Hoàng Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng Ngân hàng Pay, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Hoàng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.347.606đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng).

3.2. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.388.963đ (bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048840 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9).

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S, ông Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 Luật Thi hành án dân sự, tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM;
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Em